

Số: /BC-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý I và phương hướng, nhiệm vụ công tác cải cách hành chính quý II năm 2023 của tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện Công văn số 581/BNV-CCHC ngày 21/02/2022 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính (CCHC) định kỳ; Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Gia Lai báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác CCHC quý I và phương hướng, nhiệm vụ công tác CCHC quý II năm 2023 của tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành CCHC

- Trong quý I/2023, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành triển khai kế hoạch CCHC năm 2023 của tỉnh⁽¹⁾.

- Thực hiện Quyết định số 876/QĐ-BNV ngày 10/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số CCHC của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” giai đoạn 2022 – 2030; Công văn số 6203/BNV-CCHC ngày 08/12/2022 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số CCHC cấp tỉnh. Ngày 18/01/2023, UBND tỉnh ban hành Báo cáo số 06/BC-UBND về kết quả tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số CCHC năm 2022 của tỉnh Gia Lai, đồng thời hoàn thành việc nhập dữ liệu kết quả và tài liệu kiểm chứng vào phần mềm

¹ Ban hành Kế hoạch số 3033/KH-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh về CCHC năm 2023 của tỉnh Gia Lai; Kế hoạch số 3011/KH-UBND ngày 22/12/2022 của UBND tỉnh về tuyên truyền công tác CCHC năm 2023 của tỉnh Gia Lai; Kế hoạch số 3045/KH-UBND ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh về triển khai công tác pháp chế, công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL năm 2023 và hệ thống hóa văn bản QPPL kỳ 2019-2023 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Kế hoạch số 159/KH-UBND ngày 18/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh theo dõi tình hình thi hành pháp luật và quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2023 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Kế hoạch số 3031/KH-UBND ngày 23/12/2022 về rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 828/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 về Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2023; Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2023; Công văn số 487/UBND-NC ngày 06/3/2023 của UBND tỉnh Gia Lai về việc thực hiện Thông báo số 55/TB-VPCP ngày 24/02/2023 của Văn phòng Chính phủ; Văn bản số 239/UBND-NC ngày 06/02/2023 về việc thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản; tham mưu xử lý văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh; Công văn số 486/UBND-NC về việc triển khai Công điện số 90/CĐ-TTg ngày 28-2-2023 của Thủ tướng Chính phủ... và nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành khác.

Quản lý chấm điểm xác định Chỉ số CCHC của Bộ Nội vụ. Hiện nay, Hội đồng thẩm định Trung ương đang thẩm định.

- Để tổ chức đánh giá, xếp hạng Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố năm 2022⁽²⁾, ngày 07/12/2022, Sở Nội vụ ban hành Công văn số 2653/SNV-TCBC&CCHC về tự đánh giá, chấm điểm chỉ số CCHC và cung cấp thông tin phục vụ đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC năm 2022. Hiện nay, Sở Nội vụ đang tổng hợp để trình UBND tỉnh phê duyệt và công bố theo quy định.

2. Về thực hiện kế hoạch CCHC

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 3033/KH-UBND ngày 23/12/2022 về CCHC năm 2023 của tỉnh Gia Lai, xác định rõ 52 nhiệm vụ cụ thể⁽³⁾, sản phẩm đạt được, mốc thời gian hoàn thành, cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm chính, bố trí nguồn lực và giải pháp triển khai. Đến hết ngày 14/3/2023, tỉnh đã hoàn thành 02/52 nhiệm vụ⁽⁴⁾ (đạt 3,84%), các nhiệm vụ còn lại được thực hiện thường xuyên, có nhiều hoạt động và thường kết thúc vào thời điểm cuối năm.

3. Về kiểm tra CCHC

Ngày 28/02/2023, Sở Nội vụ đã ban hành Công văn số 400/SNV-TCBC&CCHC gửi các cơ quan chủ trì các nhiệm vụ CCHC của tỉnh đề nghị phối hợp xây dựng nội dung kiểm tra và cử công chức tham gia Đoàn kiểm tra CCHC năm 2023. Cuối tháng 3/2023, Sở Nội vụ sẽ tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC và thành lập Đoàn kiểm tra công tác CCHC trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2023.

4. Về công tác tuyên truyền CCHC

Ngày 22/12/2022, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 3011/KH-UBND ngày 22/12/2022 của UBND tỉnh về tuyên truyền công tác CCHC năm 2023 của tỉnh Gia Lai, xác định 10 nội dung, 10 hình thức, biện pháp tuyên truyền CCHC. Bên cạnh các nội dung tuyên truyền thường xuyên⁽⁵⁾, tỉnh còn đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền như: Tổ chức Hội thi “Tìm hiểu về công tác CCHC”; In các nội dung tuyên truyền ở mặt sau của Giấy tiếp nhận hồ sơ và hện trả kết quả. Hiện nay các đơn vị, địa phương đang triển khai thực hiện.

² Theo Quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy chế đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện công tác CCHC các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

³ Cải cách thể chế (02 nhiệm vụ); Cải cách thủ tục hành chính (08 nhiệm vụ); Cải cách tổ chức bộ máy (04 nhiệm vụ); Cải cách công vụ (05 nhiệm vụ); Cải cách tài chính công (02 nhiệm vụ); Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số (26 nhiệm vụ); Công tác chỉ đạo, điều hành, thông tin, tuyên truyền về CCHC (5 nhiệm vụ).

⁴ (1) Ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2023; (2) Tổng hợp từ các đơn vị kết quả thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm năm 2022 theo quy định.

⁵ Cập nhật, công bố, công khai TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện, UBND cấp xã và trên hệ thống Cổng Dịch vụ công/Cổng thông tin điện tử/Trang thông tin điện tử; Công khai các hình thức phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính; Xây dựng chuyên mục, chuyên trang và cập nhật thông tin về CCHC trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh; Xây dựng Chuyên mục CCHC trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Tăng cường tuyên truyền CCHC trong nội bộ từng cơ quan, đơn vị, địa phương bằng nhiều hình thức phù hợp; Tuyên truyền trên Hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh; Tuyên truyền bằng pa nô, áp phích, tờ gấp về CCHC, chương trình tuyên truyền tổng hợp tại các xã vùng sâu, vùng xa.

5. Về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao

- Tổng số nhiệm vụ được giao: 46.
- Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn: 8.
- Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn: 0.
- Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành: 0.

6. Về những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC được thí điểm, nhân rộng và triển khai có hiệu quả tại địa phương: Không phát sinh trong kỳ báo cáo.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

a) Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

UBND tỉnh ban hành 15 văn bản QPPL đảm bảo đúng trình tự, thủ tục ban hành văn bản QPPL theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật. Các văn bản này đã được đăng tải kịp thời, đầy đủ lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật tại địa chỉ: <http://vbpl.vn/gialai/Pages/home.aspx>.

b) Công tác kiểm tra văn bản QPPL

- Thực hiện tự kiểm tra 15 Quyết định do UBND tỉnh ban hành⁽⁶⁾. Kết quả: Văn bản QPPL ban hành đúng thẩm quyền (bao gồm: Thẩm quyền về hình thức, thẩm quyền về nội dung); nội dung văn bản bảo đảm phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất với hệ thống pháp luật đồng thời phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; không có sai sót về căn cứ ban hành, hiệu lực, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản; hoạt động xây dựng và ban hành văn bản tuân thủ đúng trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản theo quy định pháp luật; chưa phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, văn bản quy định tại điểm d khoản 1 Điều 103 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

- Đang thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền 08 văn bản QPPL do HĐND, UBND cấp huyện ban hành⁽⁷⁾.

c) Công tác rà soát văn bản QPPL

- Các cơ quan, đơn vị đã thực hiện việc rà soát văn bản QPPL thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016

⁶ Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 và Quyết định từ số 01/2023/QĐ-UBND đến số 14/2023/QĐ-UBND

⁷ UBND huyện Kbang: 01 quyết định số; UBND huyện Kông Chro: 01 quyết định số; UBND huyện Phú Thiện: 01 quyết định số; UBND huyện Ia Grai: 01 quyết định; UBND huyện Đak Đoa: 01 quyết định; UBND huyện Chư Păh: 01 quyết định; UBND huyện Ia Pa: 01 nghị quyết; UBND huyện Đak Đoa: 01 nghị quyết.

của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL.

- Tình hình xử lý văn bản được rà soát năm 2022:

+ Ngày 16/01/2023, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 14/QĐ-UBND về việc công bố danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực năm 2022; Công văn số 239/UBND-NC ngày 06/02/2023 về việc thực hiện công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản; tham mưu xử lý văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh.

+ Các cơ quan, đơn vị đang tiến hành xây dựng văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản QPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 239/UBND-NC. Đến thời điểm báo cáo, đã hoàn thành xử lý 01/22 văn bản; đang xử lý 14/22 văn bản và chưa xử lý 07/22 văn bản.

d) Công tác theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)

Các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật đang được triển khai thực hiện, cụ thể:

- Thu thập thông tin tình hình thi hành pháp luật: Sở Tư pháp đã ban hành các văn bản để thực hiện hoạt động thu thập thông tin tình hình thi hành pháp luật⁽⁸⁾, tổ chức thu thập thông tin thông qua hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật năm 2023.

- Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật: Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 kiểm tra công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2023 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật: Đang triển khai theo Quyết định số 30/QĐ-STP ngày 10/02/2023 của Giám đốc Sở Tư pháp về việc thành lập Đoàn điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật năm 2023 trên địa bàn tỉnh Gia Lai và Phương án số 194/PA-ĐTKS ngày 13/02/2023 của Đoàn điều tra, khảo sát về điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật năm 2023 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật: Đang phân tích và xử lý các thông tin thu thập từ 886 phiếu điều tra, khảo sát đánh giá tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực quản lý, điều hành giá các mặt hàng, dịch vụ thiết yếu và lĩnh vực lao động, việc làm.

- Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật: Không phát sinh.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Về rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hóa TTHC

⁸ Văn bản số 296/STP-NV1 ngày 01/3/2023 về việc hướng dẫn triển khai nhiệm vụ nâng cao điểm số và duy trì thứ hạng chỉ số chi phí tuân thủ pháp luật năm 2023; Văn bản số 293/STP-NV1 ngày 13/02/2023 về việc hướng dẫn xác định phạm vi theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2023 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Văn bản số 168/STP-NV1 ngày 07/02/2023 về việc hướng dẫn triển khai công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2023.

- Ngày 19/01/2023, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 21/QĐ-UBND về việc phê duyệt Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2023 với 10 TTHC được tiến hành rà soát trọng tâm; qua đó tinh xác định và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh thực hiện rà soát các quy định TTHC còn bất cập, không cần thiết, không phù hợp hoặc không đáp ứng các quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC nhằm kịp thời phát hiện, xây dựng phương án đơn giản hóa, cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC làm cơ sở kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ những TTHC rườm rà, phức tạp, gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện.

- Hiện nay các cơ quan, đơn vị, địa phương đang thực hiện rà soát, đánh giá TTHC theo Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh.

b) Về công bố, công khai, nhập dữ liệu TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC

- Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 19 Quyết định công bố danh mục TTHC và quy trình nội bộ giải quyết TTHC trong đó: Công bố mới 77 TTHC, công bố sửa đổi, bổ sung 32 TTHC, công khai bãi bỏ 31 TTHC. Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương là 1.945 TTHC, trong đó số TTHC do Trung ương quy định: 1.941; số TTHC do địa phương quy định: 04⁽⁹⁾.

- Các Quyết định công bố danh mục TTHC sau khi phát hành được gửi đến Cục Kiểm soát TTHC - Văn phòng Chính phủ và các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết TTHC; đồng thời, các cơ quan, đơn vị, địa phương niêm yết công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại Bộ phận Một cửa các cấp, công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị nhằm tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tra cứu, thực hiện. Bên cạnh đó, các sở, ban, ngành tỉnh thực hiện công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và tích hợp dữ liệu để công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

c) Về thực hiện công tác cải cách TTHC

- Ngày 28/12/2022, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 828/QĐ-UBND về Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2023, theo đó xác định các nhiệm vụ trọng tâm, lộ trình, thời gian thực hiện nhiệm vụ trong công tác kiểm soát TTHC năm 2023 trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách TTHC và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp thì các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao tại Kế hoạch số 2547/KH-UBND ngày 03/11/2022.

- Thực hiện Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025, Công văn số 6828/VPCP-KSTT

⁹Số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh 1.442 TTHC; Số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện là 285 TTHC; Số thuộc thẩm quyền giải quyết TTHC cấp xã là 173 TTHC.

ngày 12/10/2022 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn triển khai Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn năm 2022-2025, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 3031/KH-UBND ngày 23/12/2022 về rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Đến nay, các cơ quan, đơn vị đang rà soát các TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh gửi UBND tỉnh (qua Văn phòng UBND tỉnh) tổng hợp theo Kế hoạch.

- Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC tại các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã: Trong quý I/2023, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã giải quyết 123.653 hồ sơ TTHC, trong đó số hồ sơ được giải quyết đúng hạn là 122.500 hồ sơ TTHC, đạt tỷ lệ 99,11%; cụ thể:

+ Các sở, ban ngành tỉnh giải quyết 70.976 hồ sơ TTHC, trong đó số hồ sơ được giải quyết đúng hạn là 70.129 hồ sơ TTHC, đạt tỷ lệ 98,81%;

+ UBND cấp huyện giải quyết 10.598 hồ sơ TTHC, trong đó số hồ sơ được giải quyết đúng hạn là 10.489 hồ sơ TTHC, đạt tỷ lệ 98,97%;

+ UBND cấp xã giải quyết 42.079 hồ sơ TTHC, trong đó số hồ sơ được giải quyết đúng hạn là 41.932 hồ sơ TTHC, đạt tỷ lệ 99,65%.

+ Việc xử lý TTHC của các đơn vị, địa phương đã được công khai trên mạng Internet tại địa chỉ: <http://motcua.gialai.gov.vn>, <http://dichvucong.gialai.gov.vn> và đã được kết nối, cung cấp thông tin theo thời gian thực với Cổng thông tin điện tử Chính phủ, kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Cổng dịch vụ công quốc gia. Hệ thống cũng đã được tích hợp chức năng xin lỗi công dân, tổ chức theo chỉ đạo của UBND tỉnh đối với các hồ sơ các cơ quan hành chính thực hiện trễ hạn; đồng thời đang được tích hợp các hệ thống của Trung ương như: Cổng hỗ trợ thanh toán quốc gia, các DVCTT của Trung ương (lý lịch tư pháp, thông báo hoạt động khuyến mại, cấp giấy phép lái xe...), tiếp tục duy trì việc kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của quốc gia (NGSP). Ngoài ra, cung cấp tính năng tra cứu hồ sơ và tích hợp với ứng dụng mạng xã hội Zalo để đáp ứng tốt hơn nhu cầu tra cứu tình trạng xử lý hồ sơ của công dân, tổ chức.

- Về tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp:

+ Trên địa bàn tỉnh có 20/20 sở, ban, ngành tỉnh (đạt 100%); 17/17 UBND các huyện, thị xã, thành phố (đạt 100%) và 220/220 UBND các xã, phường, thị trấn (đạt 100%) đã triển khai mô hình "Một cửa điện tử liên thông". Đồng thời, các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức kiện toàn, phê duyệt danh sách nhân sự được cử ra bộ phận Một cửa và ban hành quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của đơn vị.

+ Hiện nay, tỉnh đang thí điểm mô hình chuyển giao một số nhiệm vụ dịch vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh để Bưu điện thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, 17/17 UBND cấp huyện, 14/220 UBND cấp xã⁽¹⁰⁾.

¹⁰ (1) Thị trấn Phú Hòa (huyện Chư Păh); (2) thị trấn Chư Prông (huyện Chư Prông); (3) thị trấn Đak Pơ (huyện Đak Pơ); (4) thị trấn Phú Thiện (huyện Phú Thiện); (5) xã Ia Tô (huyện Ia Grai); (6) thị trấn Chư Ty (huyện Đrúc Co); (7) xã Đăk Yă (huyện Mang Yang); (8) xã Ia Hnú (huyện Chư Puh); (9) xã Ia Rsum và (10)

+ Thực hiện Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công: UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương¹¹ về áp dụng các giải pháp sử dụng thông tin công dân thay thế Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú phù hợp với các TTHC và tập trung chuẩn bị các điều kiện cần thiết khác để thực hiện đúng lộ trình khi Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú giấy không còn giá trị sử dụng từ ngày 01/01/2023 tránh gây phiền hà, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của công dân. Theo đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đã phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện, cấp xã không yêu cầu người dân phải xuất trình, nộp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú theo quy định của Luật Cư trú và các văn bản hướng dẫn Luật Cư trú. Đồng thời, sử dụng 07 phương thức khai thác, sử dụng thông tin công dân trên thẻ Căn cước công dân gắn chip theo hướng dẫn của Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an để tra cứu về thông tin cư trú của người dân khi tiếp nhận hồ sơ TTHC. Đồng thời, các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương rà soát, sửa đổi các Quyết định, văn bản pháp luật thuộc thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi các quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận của địa phương nơi cư trú (phải chứng minh thông tin cư trú trước khi xác nhận) khi thực hiện các TTHC, cung cấp dịch vụ công, bảo đảm cắt giảm, đơn giản hóa TTHC trên Cơ sở dữ liệu khác, sử dụng thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các Cơ sở dữ liệu khác, thực hiện đúng các quy định tại Luật Cư trú và Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022. Theo đó tại Báo cáo số 40/BC-UBND ngày 15/3/2023 của UBND tỉnh, kết quả tỉnh rà soát được 127 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết các cấp trên địa bàn tỉnh có quy định thành phần hồ sơ là sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, giấy xác nhận thông tin cư trú được quy định tại các Nghị định, Thông tư. Do đó tỉnh đã kiến nghị các Bộ, ngành có liên quan để sửa đổi các quy định, ban hành Quyết định công bố TTHC để địa phương công bố danh mục TTHC theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP để áp dụng trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, UBND tỉnh thường xuyên theo dõi, chỉ đạo kịp thời Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện, UBND cấp xã bố trí cán bộ, công chức, nhân viên hướng dẫn người dân cài đặt ứng dụng VneID mức 1 để sử dụng thực hiện tra cứu dịch vụ công, đẩy mạnh công tác tuyên truyền người dân, doanh nghiệp người dân biết việc không yêu cầu cung cấp giấy tờ xác nhận thông tin về cư trú khi thực hiện TTHC, dịch vụ công. Trong thời gian tỉnh đang hoàn thiện Hệ thống đề kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư: Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động phối hợp với Công an các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan để sử dụng Giấy xác nhận thông tin về cư trú trong trường hợp không thể khai thác thông tin cư

thị trấn Phú Túc (huyện Krông Pa); (11) xã Ia Blang (Chư Sê); (12) xã Ia Mron (huyện Ia Pa); (13) phường Đoàn kết và phường Cheo Reo (TX. Ayun Pa).

¹¹ Văn bản số 2441/UBND-NC ngày 25/10/2022.

trú của công dân theo các phương thức được quy định tại Điểm b, c, d Khoản 2 Điều 14 của Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ¹².

+ Tình hình kết nối Hệ thống với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư:

Ngày 24/5/2022, Đoàn kiểm tra an ninh, an toàn thông tin của Bộ Công an đã kiểm tra đánh giá an ninh, an toàn thông tin, hệ thống thông tin tại Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai để xem xét hệ thống của tỉnh có đảm bảo an toàn thông tin cho việc kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; theo đó Hệ thống của tỉnh có 14 điểm yếu, lỗ hổng bảo mật nên không thể kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Đến ngày 06/3/2023, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai đã khắc phục điểm yếu, lỗ hổng bảo mật của Hệ thống và có văn bản số 302/STTTT-CNTT đề nghị Công an tỉnh phối hợp kiểm tra, rà quét điểm yếu lỗ hổng bảo mật an toàn thông tin của hệ thống thông tin tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh để kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Hiện nay, Bộ Công an đang kiểm tra an toàn thông tin của các Hệ thống thông tin tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh để xem xét cấp giấy chứng nhận an toàn thông tin, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh. Sau khi Bộ Công an cấp giấy chứng nhận an toàn thông tin, sẽ kết nối chính thức, cấp tài khoản thì tinh cấu hình hệ thống theo văn bản số 761/VPCP-KSTT ngày 29/01/2022 của Văn phòng Chính phủ; kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu kết quả giải quyết TTHC từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý với Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa.

+ Kết nối chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong giải quyết TTHC: UBND tỉnh đã có nhiều văn bản chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện kết nối, chia sẻ, liên thông dữ liệu giữa Cổng Dịch vụ công của tỉnh, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh với Hệ thống Dịch vụ công của một số Bộ như Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội¹³.

Hiện nay, tỉnh đã triển khai kết nối, chia sẻ, liên thông dữ liệu giữa Cổng dịch vụ công của tỉnh, hệ thống một cửa điện tử của tỉnh với hệ thống Dịch vụ công của Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thông qua Nền tảng chia sẻ dữ liệu quốc gia.

Hệ thống Một cửa điện tử của tỉnh tiếp tục được triển khai, kết nối với Cổng thanh toán quốc gia, liên thông giữa Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh và các cơ quan Thuế; hoàn thành tái cấu trúc quy trình tiếp nhận và xử lý 02 dịch

¹² Văn bản số 534/UBND-NC ngày 10/3/2023; văn bản số 547/UBND-NC ngày 13/3/2023 của UBND tỉnh...

¹³ Công văn số 1717/VP-CNXD ngày 03/6/2022 về việc kết nối hệ thống Dịch vụ công Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua thông qua Nền tảng chia sẻ dữ liệu quốc gia; Công văn số 1560/UBND-NC ngày 19/7/2022 về việc giao thực hiện văn bản số 3768/BTNMT-VP ngày 01/7/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Công văn số 2889/VP-NL ngày 12/9/2022 về việc triển khai kết nối, chia sẻ Cơ sở dữ liệu đất đai với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Công văn số 377/UBND-NC ngày 22/02/2023 về việc triển khai văn bản số 342/LĐTBXHBTXH ngày 10/02/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

vụ công thiết yếu của Bộ Tài nguyên và Môi trường từ Cổng Dịch vụ công quốc gia, Dịch vụ công thiết yếu Bộ Tài nguyên và Môi trường về Hệ thống xử lý hồ sơ một cửa điện tử của Văn phòng Đăng ký đất đai tại Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành của Văn phòng Đăng ký đất đai, địa chỉ <https://qlvbdhvpdkdd.gialai.gov.vn>, cụ thể:

* Thủ tục Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ) giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận.

* Thủ tục Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng.

Đến nay, tỉnh đã phát sinh được 02 hồ sơ hoàn chỉnh thử nghiệm từ bước tiếp nhận đến trả kết quả và được Cổng dịch vụ thiết yếu Bộ Tài nguyên và Môi trường (địa chỉ <https://dvcthietyeu.monre.gov.vn/Pages>) thống kê đưa vào danh sách một trong tám tỉnh đầu tiên của cả nước có kết nối và phát sinh dữ liệu trên Cổng dịch vụ thiết yếu Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Tỉnh chuyển thành công thông tin địa chính từ hệ thống VBDLIS sang Hệ thống các Chi cục Thuế trên địa bàn tỉnh Gia Lai, đồng thời cũng đã truy vấn được kết quả thông báo thuế, thông báo hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

Việc thanh toán lệ phí trước bạ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đã hoàn chỉnh thông số kỹ thuật, người dân thực hiện đăng nhập bằng tài khoản cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoàn toàn có thể tự tra cứu và thực hiện thanh toán trực tuyến bằng chính tài khoản ngân hàng cá nhân đến các ngân hàng nhà nước có thẩm quyền thu thuế, thu ngân sách.

- Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh: Các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường công tác tuyên truyền đến người dân, doanh nghiệp, chẳng hạn Sở Giao thông vận tải tỉnh Gia Lai đưa thủ tục *đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp* thực hiện trực tuyến toàn phần trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, kèm theo tài liệu hướng dẫn các thao tác nộp hồ sơ; phối hợp với UBND cấp huyện, Trung tâm Phục vụ hành chính công để tuyên truyền phổ biến cho người dân biết¹⁴. Đồng thời, đẩy mạnh chuyển đổi số trong việc thanh toán không dùng tiền mặt các lĩnh vực thuế, phí, ngân hàng¹⁵... thì đến nay có khoảng 38% số cơ sở khám bệnh, chữa bệnh lắp đặt hệ thống triển khai thanh toán khám bệnh, chữa bệnh không dùng tiền mặt.

- Về thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC: Triển khai nhiệm vụ số hóa kết quả giải quyết các TTHC còn hiệu lực theo Kế hoạch số 2475/KH-UBND ngày 17/12/2020 của UBND tỉnh về số hóa kết quả giải quyết

¹⁴ Văn bản 475/TN-SGTVT ngày 09/3/2023 của Sở Giao thông vận tải.

¹⁵ Văn bản 487/UBND-NC ngày 06/3/2023 của UBND tỉnh.

TTHC đang còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Hiện nay, Sở Thông tin và Truyền thông đang thực hiện quy trình đề thuê dịch vụ hệ thống số hóa kết quả giải quyết TTHC; các cơ quan, đơn vị đang triển khai thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo hướng dẫn tại Công văn số 1012/STTTT-CNTT ngày 01/7/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông.

- Về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: Từ ngày 15/12/2022 - 10/3/2023, Văn phòng UBND tỉnh nhận được 44 PAKN trong các lĩnh vực như đất đai, căn cước công dân, hộ chiếu... trong đó có 31 PAKN đã được xử lý; 07 PAKN không đúng luồng và không thuộc thẩm quyền của tỉnh nên tỉnh đã từ chối tiếp nhận và 06 PAKN đang được giải quyết.

d) Thực hiện đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước

- Để thực hiện chế độ báo cáo định kỳ của Văn phòng Chính phủ trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ tại địa chỉ <https://vpcp.baocaochinhphu.gov.vn>, trên cơ sở hướng dẫn trực tuyến của Văn phòng Chính phủ ngày 03/12/2021, tỉnh đã phân quyền 682 tài khoản VNConnect cho các đơn vị cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh cập nhật và gửi số liệu báo cáo thông qua chức năng của Hệ thống thông tin báo cáo Văn phòng Chính phủ. Đồng thời, tỉnh đã ban hành Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 về quy chế sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ trên địa bàn tỉnh.

- UBND tỉnh xây dựng và triển khai thử nghiệm Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (địa chỉ: <https://baocao.gialai.gov.vn>) kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ. Đồng thời, tỉnh đã thực hiện đồng bộ chế độ Báo cáo điều hành Chính phủ - Biểu hằng tháng của chỉ tiêu kinh tế xã hội về Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) công lập tại địa phương

Trong quý I năm 2023, UBND tỉnh tiếp tục ban hành các Quyết định quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cho 01 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và 03 tổ chức hành chính thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh gồm: Sở Xây dựng, Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm thuộc Sở Y tế; nâng tổng số 16 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và 06 tổ chức hành chính thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh được quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn⁽¹⁶⁾.

¹⁶ Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Tư pháp; Ban Dân tộc; Sở Giao thông vận tải; Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Ngoại vụ; Sở Công Thương; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Sở Tài chính; Sở Y tế; Văn phòng UBND tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở

b) Rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và ĐVSN công lập tại địa phương

Đến nay, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã cơ bản hoàn thành việc sắp xếp, tổ chức lại theo Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 11/5/2021 về sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy hành chính và số lượng cấp phó các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh quản lý, Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 về sắp xếp lại bộ máy bên trong các chi cục, ban trực thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và ý kiến chỉ đạo việc sắp xếp các phòng Y tế, phòng dân tộc cấp huyện (tại Công văn số 1896/VP-NC ngày 13/5/2021 của Văn phòng UBND tỉnh).

- *Đối với cơ quan chuyên môn cấp tỉnh:* Các phòng chuyên môn sau khi sắp xếp đều đạt yêu cầu từ 06 biên chế công chức trở lên. Bộ máy phòng chuyên môn thuộc chi cục, ban thuộc sở được rà soát sắp xếp lại bảo đảm đủ tối thiểu 05 biên chế/phòng và cơ cấu lại số lượng cấp phó chi cục, ban theo đúng quy định của Nghị định số 107/2020/NĐ-CP. Hiện có 108 phòng và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; 54 phòng và tương đương thuộc chi cục, ban thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh.

- *Đối với cấp huyện:* Hiện có 202 phòng thuộc 17 huyện, thị xã, thành phố; trong đó có 02/17 địa phương không có Phòng Dân tộc và 17/17 địa phương không có Phòng Y tế.

- *Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập:* UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII), Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, kết hợp với thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP và Nghị định số 150/2020/NĐ-CP. Theo đó, từ cuối năm 2022 đến nay, các địa phương đã thực hiện sắp xếp, sáp nhập một số đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực giáo dục, kinh tế, giảm 04 đơn vị sự nghiệp⁽¹⁷⁾.

c) Về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức

- Sau khi có ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 237/UBND-NC ngày 06/02/2022, Sở Nội vụ đã có Công văn số 202/SNV-TCBC&CCHC ngày 06/02/2023 đôn đốc các cơ quan, địa phương rà soát, hoàn chỉnh kế hoạch tinh giản biên chế, số lượng người làm việc giai đoạn 2022-2026. Ngày 27/02/2023, Sở Nội vụ đã ban hành Công văn số 375/SNV-TCBC&CCHC về báo cáo việc rà soát nhân viên trường học và kế hoạch cắt giảm biên chế hành chính, sự nghiệp

Xây dựng; Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; Ban Tôn giáo; Ban Thi đua – Khen thưởng; Chi cục Bảo vệ môi trường, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm.

¹⁷ - Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND huyện Đak Đoa về việc sáp nhập Trường Mẫu giáo Nam Yang và Trường Mẫu giáo Hà Bàu thành Trường Mẫu giáo Hà Bàu, huyện Đak Đoa.

- Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 của UBND thị xã Ayun Pa về việc sáp nhập Trường Tiểu học Kim Đồng và Trường Trung học cơ sở Trần Hưng Đạo thành Trường Tiểu học – Trung học cơ sở Trần Hưng Đạo.

- Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của UBND thị xã Ayun Pa về việc tổ chức lại các đơn vị: Ban Quản lý chợ thị xã, Nhà khách UBND thị xã và Đội Công trình đô thị thị xã thành Ban Quản lý dịch vụ công ích thị xã Ayun Pa.

giai đoạn 2022-2026 báo cáo Ban cán sự Đảng UBND tỉnh xem xét, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Kết quả thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu: Ngày 23/12/2022, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 813/QĐ-UBND về việc phê duyệt danh sách đối tượng và kinh phí giải quyết chính sách tinh giản biên chế 6 tháng đầu năm 2023 cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Gia Lai đối với 104 cán bộ, công chức, viên chức⁽¹⁸⁾.

d) Kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền ở địa phương

Hiện nay, các sở, ban, ngành tỉnh chủ động nghiên cứu, theo dõi các văn bản hướng dẫn, triển khai của các bộ, ngành chuyên môn để kịp thời tham mưu, đề xuất UBND tỉnh triển khai thực hiện. Ngày 14/02/2023, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND về phân cấp thẩm quyền lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị; lập, điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

4. Cải cách công vụ

a) Xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức

Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 về vị trí việc làm và biên chế công chức và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong ĐVSN công lập; hiện nay, tỉnh vẫn thực hiện việc cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo ngạch, chức danh nghề nghiệp, trình độ đào tạo, lý luận chính trị, độ tuổi, giới tính, dân tộc và đang chờ hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương để rà soát lại để phê duyệt danh mục vị trí việc làm tại các ĐVSN có sắp xếp lại theo Nghị quyết 19-NQ/TW, Nghị định số 62/2020/NĐ-CP. Hiện nay, Bộ Nội vụ và một số Bộ quản lý chuyên ngành đã ban hành các Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm đối với ngành, lĩnh vực quản lý⁽¹⁹⁾; qua đó, Sở Nội vụ đã ban hành Công văn số 277/SNV-TCBC&CCHC ngày 16/02/2023 về triển khai việc xây dựng vị trí việc làm và xác định cơ cấu ngạch trong các cơ quan, đơn vị.

b) Thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức

¹⁸ Cụ thể: Chia theo đối tượng tinh giản biên chế: Xếp loại chất lượng hàng năm không hoàn thành nhiệm vụ: 94 người; Sức khỏe không bảo đảm: 10 người. Chia theo khu vực biên chế: Cơ quan hành chính: 06 người (cấp tỉnh: 03; cấp huyện: 01, cấp xã: 02); Đơn vị sự nghiệp: 98 người (cấp tỉnh: 07; cấp huyện: 91).

¹⁹ - Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ; Thông tư số 14/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực lưu trữ.

- Bộ Giao thông và Vận tải ban hành: Thông tư số 36/2022/TT-BGTVT ngày 30/12/2022, hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giao thông vận tải trong đơn vị sự nghiệp công lập; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải; Thông tư số 42/2022/TT-BGTVT ngày 30/12/2022, hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành giao thông vận tải trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải.

- Về tuyển dụng công chức: UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 499/KH-UBND ngày 17/3/2022 tuyển dụng công chức ở các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện năm 2022 của tỉnh Gia Lai với 139 chỉ tiêu và Công văn số 632/UBND-NC ngày 04/4/2022 điều chỉnh nhu cầu tuyển dụng công chức của một số đơn vị đã được công bố tại Kế hoạch số 499/KH-UBND. Đến ngày 27/01/2023, tỉnh đã hoàn thành kỳ thi tuyển công chức năm 2022 với 109 thí sinh trúng tuyển.

- Về tuyển dụng viên chức: Theo phân cấp, Sở Nội vụ đã phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức (kể cả viên chức giáo viên) vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế⁽²⁰⁾, Trường Cao đẳng Gia Lai⁽²¹⁾; ngành giáo dục và đào tạo các huyện Đức Cơ⁽²²⁾, Kbang⁽²³⁾, Kông Chro⁽²⁴⁾, Ia Grai⁽²⁵⁾, Chư Prông⁽²⁶⁾, Phú Thiện⁽²⁷⁾ năm 2022.

c) Thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức

Ban Cán sự Đảng, UBND tỉnh thực hiện kịp thời công tác cán bộ và các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức theo phân cấp quản lý, như: nâng lương, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, nghỉ hưu⁽²⁸⁾. Bên cạnh đó, thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Nội vụ tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định pháp luật về quản lý sử dụng cán bộ, công chức, viên chức để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, không để xảy ra sai sót⁽²⁹⁾.

d) Thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị

UBND tỉnh Gia Lai ban hành Đề án số 1711/ĐA-UBND ngày 04/11/2021 đề xuất Bộ Nội vụ phê duyệt chỉ tiêu thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính lên ngạch Chuyên viên chính và tương đương của tỉnh Gia Lai năm 2021; ngày 11/02/2022, Bộ Nội vụ có Công văn số 452/BNV-CCVC về việc tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên chính hoặc tương đương năm 2021 của tỉnh Gia Lai. Đến nay, tỉnh đã tổ chức thi và Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hành chính năm 2021 đã có Thông báo số 15/TB-HĐT ngày 02/3/2023 kết quả điểm thi kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức

²⁰ Quyết định số 164/QĐ-SNV ngày 30/12/2022 của Sở Nội vụ.

²¹ Quyết định số 165/QĐ-SNV ngày 30/12/2022 của Sở Nội vụ.

²² Quyết định số 156/QĐ-SNV ngày 22/12/2022 của Sở Nội vụ

²³ Quyết định số 157/QĐ-SNV ngày 22/12/2022 của Sở Nội vụ

²⁴ Quyết định số 159/QĐ-SNV ngày 23/12/2022 của Sở Nội vụ

²⁵ Quyết định số 160/QĐ-SNV ngày 27/12/2022 của Sở Nội vụ

²⁶ Quyết định số 08/QĐ-SNV ngày 10/01/2023 của Sở Nội vụ.

²⁷ Quyết định số 04/QĐ-SNV ngày 05/01/2023 của Sở Nội vụ.

²⁸ Bổ nhiệm 02 công chức lãnh đạo, quản lý; bổ nhiệm lại 04 công chức lãnh đạo quản lý; giao 02 công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý phụ trách đơn vị; điều động 03 cán bộ; nâng lương 32 cán bộ, công chức, viên chức; hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung: 05 công chức, viên chức; miễn nhiệm ngạch thanh tra viên 01 công chức.

²⁹ Quyết định số 143/QĐ-SNV ngày 09/12/2022 của Sở Nội vụ về việc phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2023 của Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai.

danh nghề nghiệp viên chức hành chính lên ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương năm 2021.

- Hiện nay, tỉnh Gia Lai chưa thực hiện thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị.

đ) Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức

Trong quý I/2023, cán bộ, công chức tỉnh Gia Lai đã chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vẫn còn 04 người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp công lập bị kỷ luật.

e) Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Hiện nay, UBND tỉnh chưa ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh năm 2023.

g) Tình hình ban hành và kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút người có tài năng vào làm việc tại các cơ quan nhà nước: Không phát sinh trong kỳ báo cáo.

5. Cải cách tài chính công

a) Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách tại địa phương

- Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước (NSNN) theo Kế hoạch được Chính phủ giao: Trong năm 2023, Trung ương giao dự toán thu ngân sách trên địa bàn tỉnh Gia Lai 5.432 tỷ đồng. Dự toán được Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh thông qua là 5.910 tỷ đồng. Tổng thu cân đối ngân sách trên địa bàn thực hiện đến hết ngày 09/03/2023 là 1.292,6 tỷ đồng (thực hiện trong tháng 3 đến hết ngày 09/3/2023 là 54,8 tỷ đồng), đạt 23,8% (1.292,6/5.432 tỷ đồng) so với dự toán Trung ương giao, đạt 21,9% (1.292,6/5.910 tỷ đồng) so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 2,5% (1.292,6/1.261,3 tỷ đồng) so với cùng kỳ, gồm:

+ Thu nội địa: 1.285,9 tỷ đồng (Thực hiện trong tháng 3 đến hết ngày 09/3/2023 là 52,5 tỷ đồng), đạt 23,9% (1.285,9/5.390 tỷ đồng) so với dự toán Trung ương giao, đạt 22,7% (1.285,9/5.660 tỷ đồng) so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 3% (1.285,9/1.248,8 tỷ đồng) so với cùng kỳ.

+ Các khoản thu do Hải quan: Thực hiện là 6,7 tỷ đồng (Thực hiện trong tháng 3 đến hết ngày 09/3/2023 là 2,2 tỷ đồng), đạt 2,7% (6,7/250 tỷ đồng) so với dự toán Trung ương và dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 46,2% (6,7/12,5 tỷ đồng) so với cùng kỳ.

- Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công: Lũy kế thanh toán vốn từ đầu năm đến hết tháng 02/2023: 77,952 tỷ đồng, đạt 2,3% so với kế hoạch giao; Ước lũy kế thanh toán vốn từ đầu năm đến hết tháng 3/2023: 120,390 tỷ đồng, đạt 3,5% so với kế hoạch giao.

- Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách:

+ Kết quả thực hiện kiến nghị sau thanh tra tài chính:

++ Đã có Kết luận thanh tra về việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh (*Kết luận số 341/KL-STC ngày 13/9/2022*): Kiến nghị thu hồi, hoàn trả nguồn thu bệnh viện và hạch toán giảm chi TK 642 số tiền 490.733.000 đồng, tỷ lệ khắc phục đạt 3,6% (17.680.000/490.733.000 đồng)⁽³⁰⁾. Các kiến nghị khác đơn vị đang thực hiện khắc phục.

++ Kết luận thanh tra công tác quản lý Tài chính ngân sách năm 2021 tại huyện Ia Grai (*Kết luận thanh tra số 14/KL-STC ngày 12/01/2023*): Kiến nghị thu hồi nộp vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra tài chính số tiền: 368.825.000 đồng, tỷ lệ khắc phục đạt 100% (368.825.000/368.825.000 đồng)⁽³¹⁾.

+ Tiến độ, kết quả thực hiện các kết luận của Kiểm toán Nhà nước:

+ Kết quả khắc phục kiến nghị của Kiểm toán NSNN năm 2012 đạt 99,7% (465.981/467.325 tỷ đồng);

+ Kết quả khắc phục kiến nghị của Kiểm toán NSNN năm 2014 đạt 90,1% (191.802/212.866 tỷ đồng);

+ Kết quả khắc phục kiến nghị của Kiểm toán NSNN năm 2015 đạt 99,6% (186.448/187.134 tỷ đồng);

+ Kết quả khắc phục kiến nghị của Kiểm toán NSNN năm 2016 đạt 99,5% (399.294/401.372 tỷ đồng);

+ Kết quả khắc phục kiến nghị của Kiểm toán NSNN năm 2017 đạt 96,9% (423.853/437.447 tỷ đồng);

+ Kết quả khắc phục kiến nghị của Kiểm toán NSNN năm 2018 đạt 95,3% (324.622/340.758 tỷ đồng);

+ Kết quả khắc phục kiến nghị của Kiểm toán NSNN năm 2019 đạt 75,6% (104.643/428.902 tỷ đồng);

+ Kết quả khắc phục kiến nghị của Kiểm toán NSNN năm 2020 đạt 87,8% (450.809/513.521 tỷ đồng), khắc phục thêm 108.287 tỷ đồng so với kết quả khắc phục tại Báo cáo kiểm tra năm 2021.

b) Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công

- Trong Quý I/2023, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 về việc bãi bỏ Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày

³⁰ Báo cáo số 114/BC-BV ngày 14/02/2023 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai

³¹ Tổng số tiền đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra tài chính số tiền: 368.825.000 đồng (Báo cáo số 102/BC-UBND ngày 07/03/2023 của UBND huyện Ia Grai), bao gồm:

- Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện: 17.650.000 đồng (Giấy nộp tiền ngày 30/01/2023);
- Văn phòng HĐND và UBND huyện: 11.000.000 đồng (Giấy nộp tiền ngày 06/02/2023);
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện: 7.535.000 đồng (Giấy nộp tiền ngày 02/3/2023);
- UBND thị trấn Ia Kha: 5.200.000 đồng (Giấy nộp tiền ngày 13/02/2023);
- UBND xã Ia Sao: 2.325.000 đồng (Giấy nộp tiền ngày 08/02/2023);
- UBND xã Krái: 19.667.000 đồng (Giấy nộp tiền ngày 17/02/2023);
- UBND xã Ia Tô: 135.954.000 đồng (Giấy nộp tiền ngày 08/02/2023);
- UBND xã Ia Dêr: 169.494.000 đồng (Giấy nộp tiền ngày 07/02/2023);

04/3/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về phân cấp thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai; Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 về việc ban hành quy chế cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 về việc quy định giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà và tỷ lệ phần trăm (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Hiện nay, Thường trực HĐND tỉnh đã có Nghị quyết số 200/NQ-HĐND ngày 21/02/2023 về xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công) của tỉnh Gia Lai theo trình tự thủ tục rút gọn. UBND tỉnh đang xem xét trình HĐND tỉnh thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Về việc thực hiện sắp xếp lại, xử lý xe ô tô thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án rà soát, sắp xếp xe ô tô của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh Gia Lai: UBND tỉnh đang xem xét phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án rà soát, sắp xếp xe ô tô của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh Gia Lai. Sau khi UBND tỉnh phê duyệt quyết định điều chỉnh, bổ sung phương án, Sở Tài chính sẽ tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định thanh lý, điều chuyển xe ô tô theo đúng quy định.

c) Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) công lập

- *Đối với cấp tỉnh:* Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện tự chủ: 136 đơn vị. Trong đó:

+ Đơn vị tự đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên và chi đầu tư: 05 đơn vị.

+ Đơn vị tự đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên: 20 đơn vị.

+ Đơn vị đảm bảo một phần chi thường xuyên: 43 đơn vị.

+ Đơn vị do NSNN cấp toàn bộ chi thường xuyên: 68 đơn vị.

- *Đối với cấp huyện:* Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện là: 765 đơn vị. Trong đó:

+ Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên và chi đầu tư: 03 đơn vị.

+ Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên: 32 đơn vị.

+ Đơn vị tự bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên: 14 đơn vị.

Trong đó: ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên: 01 đơn vị, ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên: 05 đơn vị; ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên: 08 đơn vị

+ Đơn vị sự nghiệp do NSNN bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên: 716 đơn vị.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số ở địa phương

- UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 3033/KH-UBND ngày 23/12/2022 về Kế hoạch CCHC năm 2023 của tỉnh Gia Lai; Công văn số 191/UBND-KGVX ngày 19/01/2023 về việc triển khai Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin cho thiết bị camera giám sát.

- Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai đã ban hành Kế hoạch số 21/KH-BCĐ ngày 14/02/2023 về việc kiểm tra, đánh giá mức độ Chính quyền điện tử tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2023; Quyết định số 30/QĐ-BCĐ ngày 09/3/2023 về việc thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá mức độ Chính quyền điện tử tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2023.

b) Xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật

- Hạ tầng công nghệ thông tin tại các cơ quan nhà nước đã được đầu tư, nâng cấp cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động xây dựng chính quyền điện tử; 100% cơ quan có mạng nội bộ, kết nối mạng diện rộng (WAN) và Internet băng thông rộng.

- Trung tâm tích hợp dữ liệu cơ bản đáp ứng yêu cầu vận hành các hệ thống thông tin dùng chung; Hệ thống hội nghị truyền hình của tỉnh đã triển khai đồng bộ từ tỉnh đến tất cả UBND cấp xã,...

- Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai (đơn vị vận hành Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh) tiếp tục triển khai các giải pháp để bổ sung các trang thiết bị, đường truyền để đảm bảo điều kiện kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư.

c) Xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) đã được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP), Cổng Dịch vụ công quốc gia và tiếp tục bổ sung các dịch vụ kết nối theo yêu cầu của Trung ương. Các ứng dụng trong nội bộ (Hệ thống một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công,...) thông qua mạng WAN, Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của tỉnh đã được kết nối thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

- Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh cũng đã được triển khai giải pháp giám sát an toàn thông tin (hệ thống SOC) và được kết nối về Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (thuộc Cục An toàn thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông) để được theo dõi, cảnh báo an toàn thông tin cho các hệ thống Chính quyền điện tử của tỉnh Gia Lai.

- Duy trì, phát triển Cổng dịch vụ công của tỉnh, tích hợp các DVCTT.

- Hệ thống danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước để

quản lý, khai báo mã định danh của các đơn vị, địa phương (<http://dmdc.ngsp.gov.vn/>).

- Phối hợp với các đơn vị để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06 (thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đề xuất đầu tư các hệ thống công nghệ thông tin theo hướng dẫn của Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông).

- Tiếp tục phối hợp với Công ty Cổ phần VNG (TP. Hồ Chí Minh) sử dụng ứng dụng Zalo để triển khai phục vụ công dân, tổ chức tra cứu, theo dõi tình trạng giải quyết hồ sơ; đánh giá mức độ hài lòng khi giao dịch với các cơ quan hành chính; gửi phản ánh, kiến nghị qua Zalo; công khai các thông tin công dân, tổ chức quan tâm trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh; tuyên truyền các chủ trương, chính sách... đến công dân, tổ chức. Các thông tin liên quan đến tính minh bạch và tiếp cận thông tin cũng đã được cung cấp để công dân, doanh nghiệp tra cứu như: tài liệu pháp lý; tài liệu quy hoạch, kế hoạch; thông tin mời thầu; giá đất; dự án kêu gọi đầu tư... tại chuyên mục "Chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai" trên Zalo.

d) Xây dựng, phát triển dữ liệu

- Các sở, ban, ngành ứng dụng dịch vụ dữ liệu trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) như: Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư); Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm (Bảo hiểm xã hội Việt Nam); Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản QPPL (Bộ Tư pháp); Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá (Bộ Tài chính); Cơ sở dữ liệu đăng kiểm phương tiện (Bộ Giao thông vận tải); Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến (Bộ Tư pháp); Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Bộ Tư pháp); Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Bộ Tài chính); Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam (Bộ Thông tin và Truyền thông); Hệ thống quản lý giao thông vận tải (Bộ Giao thông vận tải); Hệ thống mã bưu chính Vpostcode (Tổng công ty Bưu điện Việt Nam); Hệ thống dịch vụ, tiện ích của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN); Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã; Cổng dịch vụ công của Bộ Xây dựng.

- Hoàn thiện, duy trì, vận hành các hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, cụ thể: Hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin các ngành, lĩnh vực dựa trên nền hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ quản lý nhà nước tỉnh Gia Lai.

- Nhiều cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên ngành phục vụ công tác chuyên môn cũng được các đơn vị triển khai, đưa vào sử dụng, góp phần tích vào công tác xây dựng chính quyền điện tử, CCHC: CSDL giá (Sở Tài chính); hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu công tác dân tộc (Ban Dân tộc); Cổng thông tin và cơ sở dữ liệu ngành Du lịch; CSDL tên đường (Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch); CSDL giáo dục và đào tạo; CSDL tài nguyên và môi trường...

đ) Xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ

- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành:

+ Hiện tại, tất cả các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND cấp huyện;

UBND cấp xã và một số cơ quan nhà nước khác đã sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành phục vụ công việc phát huy hiệu quả. Hệ thống hoạt động ổn định, việc luân chuyển văn bản điện tử đã được thực hiện liên thông 04 cấp (từ các cơ quan Trung ương gửi đến cấp tỉnh; các cơ quan ngoài tỉnh gửi đến các cơ quan trong tỉnh và từ UBND tỉnh đến các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và đến UBND cấp xã).

+ Ban Cơ yếu Chính phủ đã cấp hơn 5000 chứng thư số cá nhân cho các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh. Hiện tại, tất cả các văn bản điện tử đều được ký số để xác thực thông tin người gửi.

+ Trong Quý I/2023, trên địa bàn tỉnh đã thực hiện gửi, nhận hơn 405.760 lượt văn bản điện tử (ước tính tiết kiệm khoảng hơn 2,8 tỷ đồng, tính trung bình, việc gửi, nhận 01 văn bản sẽ tốn khoảng 7.000 đồng); khoảng 97% văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).

- Mô hình "Một cửa điện tử liên thông"

+ Hệ thống hoạt động hiệu quả, giảm thời gian xử lý công việc, tăng tính công khai, minh bạch đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp, UBND cấp huyện đã triển khai nhân rộng đến 100% cấp xã.

+ Trong 03 tháng đầu năm, hệ thống đã tiếp nhận 68.140 hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt 99,3% trên tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trên hệ thống. Với nhiều giải pháp quyết liệt; một số đơn vị đã giảm sâu về tỷ lệ hồ sơ trễ hạn qua từng tháng; nhiều đơn vị không có hồ sơ trễ hạn (tỷ lệ trễ hạn 0%).

- Hệ thống Hội nghị truyền hình (HNTH) của tỉnh: Hệ thống đã triển khai tại 20 điểm cầu từ cấp tỉnh đến 100% UBND cấp huyện. UBND cấp huyện đã triển khai HNTH từ cấp huyện đến 220/220 UBND cấp xã; một số sở, ngành cũng đã đầu tư các thiết bị đầu cuối hệ thống HNTH để họp trực tuyến. Ngoài ra, Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông (đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông) đã nghiên cứu, phát triển (không sử dụng NSNN) hệ thống hội nghị trực tuyến sử dụng giải pháp mã nguồn mở "Gia Lai eMeeting" phục vụ nhu cầu tổ chức họp trực tuyến của các đơn vị, địa phương.

- Triển khai phần mềm "Quản lý giao việc" của UBND tỉnh: Được tích hợp vào hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành. Trang thông tin điện tử thống kê tình hình xử lý công việc do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao được công khai tại địa chỉ: <http://congkhai.gialai.gov.vn> và <http://qlygiaoviec.gialai.gov.vn>.

e) *Xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp:* Hệ thống Cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử (WebSite): Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai (<https://gialai.gov.vn>) hiện đang triển khai phát triển theo quy định tại khoản 1, Điều 6 của Nghị định số 42/2022/NĐ-CP và theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 4946/BTTTT-CĐSQG ngày 04/10/2022 về việc hướng dẫn triển khai Nghị định số 42/2022/NĐ-CP như: Đã có 100% UBND cấp huyện (có tích hợp trang thành phần các đơn vị cấp xã trực thuộc) và 100% đơn vị cấp sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh có

Công/Trang thông tin điện tử đã đặt đường liên kết của trang thông tin điện tử của tỉnh. Trong năm 2024 sẽ thực hiện chuyển đổi để bảo đảm trang thông tin điện tử là thành phần của Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

g) Xây dựng, phát triển đô thị thông minh

- Các nhiệm vụ theo Đề án "Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh" tiếp tục được tích cực triển khai; UBND thành phố Pleiku đã đầu tư xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành (sau thời gian thực hiện thí điểm) và cung cấp một số dịch vụ đô thị thông minh (như: Phản ánh hiện trường, giám sát trật tự đô thị, giám sát giao thông,...) bước đầu đã đạt được một số kết quả tích cực.

- Từ năm 2021, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu, cổng thông tin điện tử và ứng dụng du lịch thông minh; kết nối cơ sở dữ liệu chuyên ngành du lịch. Thành phố Pleiku cũng đã hoàn thành việc xây dựng Trung tâm Giám sát điều hành thông minh, triển khai lắp đặt hệ thống camera giám sát giao thông, hệ thống giám sát an toàn thông tin, hệ thống quản lý chiếu sáng...Sở Giáo dục và Đào tạo đã hoàn thành việc đầu tư 20 phòng học thông minh cho các trường Trung học phổ thông.

h) Cung cấp DVCTT

- Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các đơn vị, địa phương tích hợp 100% TTHC của các sở, ngành, địa phương với Cổng Dịch vụ công của tỉnh (<https://dichvucong.gialai.gov.vn>) đồng thời có đăng tải bộ 500 câu hỏi/tra lời về các vấn đề liên quan đến thực hiện TTHC lên Cổng dịch vụ công.

- Hiện nay, toàn bộ thủ tục hành chính của tỉnh (1.945); trong đó: 759 DVCTT một phần và 860 DVCTT toàn trình; được tích hợp tại Cổng Dịch vụ công của tỉnh: <https://dichvucong.gialai.gov.vn>. Tới thời điểm báo cáo, số hồ sơ trực tuyến được tiếp nhận và giải quyết là 8.319 hồ sơ trực tuyến; đạt tỷ lệ 50,8% hồ sơ trực tuyến/Tổng số hồ sơ phát sinh của các DVCTT (=8.319/14.343).

- Nhằm nâng cao việc sử dụng các DVCTT, theo chỉ đạo của UBND tỉnh, các đơn vị, địa phương đã tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng; phối hợp với mạng lưới bưu chính, viễn thông, ngân hàng...để hỗ trợ người dân sử dụng các DVCTT.

- Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện tổ chức tuyên truyền, hỗ trợ việc ứng dụng thanh toán trực tuyến, đa dạng hóa các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để phổ cập, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị nhà nước trên địa bàn tỉnh tiếp tục được đẩy mạnh, hỗ trợ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, công tác quản lý chuyên môn của các cơ quan, đơn vị; cải tiến môi trường và phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo hướng hiện đại; tăng năng suất lao động, chất lượng giải quyết TTHC.

2. Hạn chế

- Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện còn thụ động trong triển khai công tác CCHC, chưa có nhiều sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC.

- Công tác chỉ đạo của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa nghiêm trong việc thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; vẫn còn tình trạng trễ hẹn trong giải quyết TTHC.

- Thiếu nguồn nhân lực quản trị, vận hành các ứng dụng CNTT đã triển khai; Các dịch vụ công trực tuyến đã được triển khai, tuy nhiên một số TTHC có cung cấp dịch vụ công trực tuyến chưa phát sinh hồ sơ, ở cấp xã hầu như ít phát sinh hồ sơ thực hiện theo hình thức trực tuyến. Nguyên nhân là do kỹ năng, thói quen ứng dụng công nghệ thông tin của người sử dụng dịch vụ còn hạn chế; chưa đủ điều kiện về hạ tầng kỹ thuật để làm việc trên môi trường mạng với dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính công ích.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRỌNG TÂM QUÝ II/2023

1. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030, Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh về việc Ban hành Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

2. Triển khai thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật và quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2023; Kế hoạch triển khai công tác pháp chế và công tác văn bản QPPL năm 2023 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

3. Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ tại Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 26/01/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng về dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Kế hoạch số 2547/KH-UBND ngày 03/11/2022 triển khai đẩy mạnh cải cách TTHC và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Kế hoạch số 3031/KH-UBND ngày 23/12/2022 về rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Tổ chức thực hiện việc rà soát, đánh giá TTHC; kiến nghị, đề xuất cấp có thẩm quyền các giải pháp, sáng kiến đơn giản hóa TTHC. Tổ chức tiếp nhận, xử lý PAKN về quy định hành chính.

4. Tiếp tục quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh theo quy định. rà soát, sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế theo hướng tinh gọn, đồng bộ, hiệu quả ở các cơ quan nhà nước theo tinh thần Nghị

quyết số 18-NQ/TW; Nghị quyết số 19-NQ/TW; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP; Nghị định số 120/2020/NĐ-CP. Tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác tinh giản biên chế gắn với việc kiện toàn tổ chức bộ máy theo tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ CBCCVN và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.

5. Thực hiện kịp thời, đúng quy định công tác cán bộ và các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh; Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023 của tỉnh.

6. Giao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính. Trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản QPPL và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

7. Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan hành chính nhà nước theo kế hoạch năm 2023. Đồng thời triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030”. Tiếp tục bổ sung các dịch vụ kết nối, chia sẻ với Nền tảng tích hợp chia sẻ, dữ liệu của tỉnh (LGSP) theo yêu cầu của Trung ương.

Trên đây là báo cáo tình hình, kết quả công tác CCHC quý I và phương hướng, nhiệm vụ công tác CCHC quý II năm 2023, UBND tỉnh Gia Lai báo cáo Bộ Nội vụ theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh;
- CT UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Ban Dân vận TU;
- Cổng TTĐT tỉnh; Trang TTĐT Sở Nội vụ;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trương Hải Long

Phụ lục
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM QUÝ I NĂM 2023 CỦA TỈNH GIA LAI
(Ban hành kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /3/2023 của UBND tỉnh Gia Lai)

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Quyết định, kế hoạch, chương trình)</i>	Văn bản	10	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	3,84	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	52	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	2	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	0	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy <i>(thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)</i>			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%	24,39	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	0	
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	46	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	8	
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	4.061	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL³² do địa phương ban hành	Văn bản	20	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	15	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	5	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	0	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	61	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	25	
3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	24	
3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	6	

³² Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	10	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	77	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	31	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	1945	Số liệu này không bao gồm TTHC của cơ quan ngành dọc (căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP: Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh)
1.4.1	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>1490</i>	
1.4.2	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>282</i>	
1.4.3	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>173</i>	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	107	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	74	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	21	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng	%	98,81	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	hạn			
3.1.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	70.976	
3.1.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	70.129	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,97	
3.2.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	10.598	
3.2.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	10.489	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,65	
3.3.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	42.079	
3.3.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	41.932	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	86,36	
3.4.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	44	
3.4.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	38	

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	01	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	3	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	904	
1.5.1.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	<i>5</i>	
1.5.2.	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	<i>130</i>	
1.5.3.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	<i>769</i>	
1.5.4.	<i>Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	<i>%</i>	<i>13,66</i>	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	2.677	Năm 2023 chưa giao
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	2.425	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	180	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	6	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	12,91	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	24.859	Năm 2023 chưa giao
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	24.244	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	98	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	12,07	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	364	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	904	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	109	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	7	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	1	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	4	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	2,27	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	3.428,994	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	77,952	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	901	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	8	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	52	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	57	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>01</i>	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>05</i>	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>08</i>	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	784	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)</i>	%	97	
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%	100	
5.2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%	90	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	70	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	75,55	
6.1.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	180	
6.1.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	136	
6.1.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	41	
6.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.2.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	1.069	
6.2.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	1.069	
6.2.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	242	
6.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	66,22	
6.3.1	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	1.205	
6.3.2	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	798	
6.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	34	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.4.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	14.343	
6.4.2	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	8.319	
6.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
6.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)	Thủ tục	392	
6.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh	Thủ tục	392	